

**Phụ lục**  
**DANH MỤC THÀNH PHẦN HỒ SƠ PHẢI SỐ HÓA ĐỐI VỚI THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**  
**THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH LAI CHÂU**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /12/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)*

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (09 TTHC)</b>			
1	2.001259.000.00.00.H35	Thủ tục kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu	1) Đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu và cam kết chất lượng hàng hóa phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 74/2018/NĐ-CP tại cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa; 2) Chứng nhận lưu hành tự do CFS (nếu có).	
2	1.001392.000.00.00.H35	Thủ tục miễn giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu (cấp tỉnh)	1) Văn bản đề nghị miễn kiểm tra với các thông tin sau: tên hàng hóa, nhãn hiệu, kiểu loại; đặc tính kỹ thuật; xuất xứ, nhà sản xuất; số lượng, khối lượng nhập khẩu theo đăng ký; đơn vị tính.	
3	2.001209.000.00.00.H35	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận	1) Bản công bố hợp chuẩn.	
4	2.001207.000.00.00.H35	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh	1) Bản công bố hợp chuẩn.	
5	2.001277.000.00.00.H35	Thủ tục đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành	1) Bản công bố hợp quy.	
6	2.002253.000.00.00.H35	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đăng ký lĩnh vực hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hóa của tổ chức, cá nhân	1) Giấy đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá.	

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
7	2.001269.000.00.00.H35	Thủ tục đăng ký tham dự sơ tuyển xét tặng giải thưởng chất lượng quốc gia	1) Đơn đăng ký tham dự Giải thưởng chất lượng quốc gia theo quy định tại Mẫu số 19 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP.	
8	2.000212.000.00.00.H35	Thủ tục công bố sử dụng dấu định lượng	1) Bản công bố sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn.	
9	1.000449.000.00.00.H35	Thủ tục điều chỉnh nội dung bản công bố sử dụng dấu định lượng	1) Bản công bố sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn.	
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ (03 TTHC)</b>			
10	1.011937.000.00.00.H35	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (cấp tỉnh)	1) Tờ khai yêu cầu cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (Mẫu số 05 - Phụ lục VI Nghị định số 65/2023/NĐ-CP).	
11	1.011938.000.00.00.H35	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (cấp tỉnh)	1) Tờ khai yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (Mẫu số 06 - Phụ lục VI Nghị định số 65/2023/NĐ-CP).	
12	1.011939.000.00.00.H35	Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (cấp tỉnh)	1) Đơn yêu cầu thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp.	
<b>III</b>	<b>Lĩnh vực an toàn bức xạ và hạt nhân (07 TTHC)</b>			
13	2.002385.000.00.00.H35	Thủ tục khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	1) Phiếu khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế.	
14	2.002380.000.00.00.H35	Thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế.	1) Đơn đề nghị cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ;	
			2) Phiếu khai báo nhân viên bức xạ và người phụ trách an toàn.	
			3) Phiếu khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán y tế.	

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
15	2.002381.000.00.00.H35	Thủ tục gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế.	1) Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép tiến hành công việc bức xạ;	
			2) Phiếu khai báo đối với nhân viên bức xạ hoặc người phụ trách an toàn bức xạ (nếu có thay đổi so với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép gần nhất).	
16	2.002382.000.00.00.H35	Thủ tục sửa đổi giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế.	1) Đơn đề nghị sửa đổi Giấy phép tiến hành công việc bức xạ.	
17	2.002383.000.00.00.H35	Thủ tục bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế.	1) Đơn đề nghị bổ sung Giấy phép tiến hành công việc bức xạ;	
			2) Phiếu khai báo thiết bị bức xạ mới đối với trường hợp bổ sung thiết bị bức xạ.	
18	2.002384.000.00.00.H35	Thủ tục cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế.	1) Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép tiến hành công việc bức xạ.	
19	2.002379.000.00.00.H35	Thủ tục cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ (đối với người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế).	1) Đơn đề nghị cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ.	
<b>IV</b>	<b>Lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ (24 TTHC)</b>			
20	1.001786.000.00.00.H35	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ	1) Đơn đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ.	
21	2.002144.000.00.00.H35	Đánh giá đồng thời thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người	1) Giấy đề nghị đánh giá, thẩm định của tổ chức, cá nhân ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;	
			2) Văn bản cho phép ứng dụng của tổ chức, cá nhân chủ trì kết quả thực hiện nhiệm vụ.	

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
22	2.000079.000.00.00.H35	Thủ tục thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người.	1) Giấy đề nghị đánh giá, thẩm định của tổ chức, cá nhân ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; 2) Văn bản cho phép ứng dụng của tổ chức, cá nhân chủ trì kết quả thực hiện nhiệm vụ.	
23	1.011818.000.00.00.H35	Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	1) Phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.	
24	1.011814.000.00.00.H35	Thủ tục hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu.	1) Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo mẫu BM II.1 (Thông tư 14/2023 của Bộ KH&CN).	
25	1.011815.000.00.00.H35	Thủ tục mua sáng chế, sáng kiến	1) Đơn đề nghị Nhà nước mua sáng chế, sáng kiến theo mẫu BM III.1 (Thông tư 14/2023 của Bộ KH&CN).	
26	1.011816.000.00.00.H35	Thủ tục hỗ trợ kinh phí hoặc mua công nghệ được tổ chức, cá nhân trong nước tạo ra từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để sản xuất sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực	1) Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí hoặc mua công nghệ được tổ chức, cá nhân trong nước tạo ra từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để sản xuất sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực theo mẫu BM II.1 (Thông tư 14/2023 của Bộ KH&CN)	
27	1.011819.000.00.00.H35	Thủ tục đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.	1) Phiếu đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước.	
28	1.011820.000.00.00.H35	Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước (cấp tỉnh).	1) Phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước.	

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
29	2.002544.000.00.00.H35	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)	1) Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 12/2023/QĐ-TTg.	
30	2.002546.000.00.00.H35	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)	1) Văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 12/2023/QĐ-TTg.	
31	2.002548.000.00.00.H35	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)	1) Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 12/2023/QĐ-TTg.	
32	2.002249.000.00.00.H35	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	1) Văn bản đề nghị đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ.	
33	2.002248.000.00.00.H35	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	1) Văn bản đề nghị đăng ký chuyển giao công nghệ.	
34	1.001677.000.00.00.H35	Thủ tục thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	1) Đơn đề nghị thay đổi, bổ sung, cấp lại Giấy chứng nhận hoạt động.	

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
35	1.011812.000.00.00.H35	Thủ tục công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu	1) Đơn đề nghị công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của tổ chức, cá nhân theo mẫu BM I.1 (Thông tư 14/2023 của Bộ KH&CN). 2) Bản cam kết về quyền sở hữu hợp pháp đối với kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu (Đối với trường hợp không có tài liệu chứng minh) theo mẫu BM I.2 (Thông tư 14/2023 của Bộ KH&CN).	
36	1.001693.000.00.00.H35	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	1) Đơn đề nghị thay đổi, bổ sung, cấp lại Giấy chứng nhận hoạt động.	
37	2.001525.000.00.00.H35	Thủ tục cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ.	1) Giấy đề nghị cấp thay đổi nội dung/cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ.	
38	1.001716.000.00.00.H3	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động lần đầu cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	1) Đơn đăng ký hoạt động văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ.	
39	1.001747.000.00.00.H35	Thủ tục thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ (Sở Khoa học và Công nghệ)	1) Đơn đề nghị thay đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ.	
40	1.001770.000.00.00.H35	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ	1) Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận của tổ chức khoa học và công nghệ.	
41	2.002278.000.00.00.H35	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ.	1) Giấy đề nghị chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ.	
42	3.000259.000.00.00.H35	Thủ tục đặt và tặng giải thưởng về khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân cư trú hoặc hoạt động hợp pháp tại Việt Nam	1) Đơn đăng ký đặt và tặng giải thưởng về khoa học và công nghệ.	

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
43	1.012353.000.00.00.H35	Thủ tục xác định dự án đầu tư có hoặc không sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)	1) Văn bản đề nghị xác định công nghệ; 2) Chứng thư giám định máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư còn hiệu lực.	
<b>V</b>	<b>Lĩnh vực quản lý công sản (02 TTHC)</b>			
44	1.006221.000.00.00.H35	Thủ tục giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách cấp	1) Văn bản đề nghị giao quyền sở hữu hoặc giao quyền sử dụng tài sản của tổ chức chủ trì	
45	1.006222.000.00.00.H35	Thủ tục giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách hỗ trợ	1) Văn bản đề nghị giao quyền sở hữu hoặc giao quyền sử dụng tài sản của tổ chức chủ trì	
<b>VI</b>	<b>Lĩnh vực công chức, viên chức (03 TTHC)</b>			
46	1.012299.000.00.00.H35	Thủ tục thi tuyển viên chức	1) Phiếu đăng ký dự tuyển theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 85/2023/NĐ-CP và hợp đồng lao động ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP	
47	1.012300.000.00.00.H35	Thủ tục xét tuyển viên chức	1) Phiếu đăng ký dự tuyển theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 85/2023/NĐ-CP và hợp đồng lao động ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP	
48	1.012301.000.00.00.H35	Thủ tục tiếp nhận vào viên chức không giữ chức vụ quản lý	1) Bản tự nhận xét, đánh giá của người được đề nghị tiếp nhận về phẩm chất chính trị, phẩm chất đạo đức, trình độ và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, quá trình công tác có xác nhận của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị công tác (nếu có)	